TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, đối với vụ án thụ lý số: 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 72/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Khánh T**, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39/1 đường T2, phường R, tỉnh A.

2. Bị đơn: Bà **Lý Thị Thu T1,** sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39/1 đường T2, phường R, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T trình bày:

Ông và bà Lý Thị Thu T1 tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp Giấy

chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2012. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cải vã. Mâu thuẫn trầm trọng là vào khoảng năm 2023; nguyên nhân theo ông T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thiếu tôn trọng lẫn nhau, bà T1 không chăm lo cho gia đình. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên ông T muốn ly hôn với bà T1. Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Lý Khánh H, sinh ngày 02/12/2003 và Nguyễn Lý Khánh M, sinh ngày 19/10/2012.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Lý Thị Thu T1; Về con chung: Ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con chung tên Lý Khánh H, do con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lý Thị Thu T1 là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, tống đạt thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Khánh T đối với bà Lý Thị Thu T1; chấp nhận việc giao con chung là Nguyễn Lý Khánh M, sinh ngày 19/10/2012 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T1 không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết. Nguyên đơn ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Khánh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Lý Thị Thu T1, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lý Thị Thu T1 là bị đơn cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang; căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành ngày 0/7/2025; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; còn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Khánh T và bà Lý Thị Thu T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Ông T xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa ông và bà T1 không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay và không thể hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do bà T1 vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Lý Khánh H, sinh ngày 02/12/2003 và Nguyễn Lý Khánh M, sinh ngày 19/10/2012. Đối với con chung tên Lý Khánh H do đã thành niên và có khả năng tự lao động, nên Toà án không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Lý Khánh M: Xét thấy trong thời gian ông T và bà T1 sống ly thân với nhau cho đến nay thì ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà T1 không có ý kiến gì

đối với việc nuôi dưỡng con; ông T xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; ngoài ra để cháu M được tiếp tục ổn định với sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hiện tại và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông T không có yêu cầu.

Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T1.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có và không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Đối với bị đơn bà Lý Thị Thu T1, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó";* trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T1 không có sự phản đối nào đối với yêu cầu và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu bà T1 có tranh chấp về thay đổi quyền con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001404 ngày 04/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T đối với bị đơn bà Lý Thị Thu T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Khánh T được ly hôn với bà Lý Thị Thu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lý Khánh M, sinh ngày 19/10/2012 cho ông Nguyễn Khánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T1.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Khánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001404 ngày 04/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.